

DANH SÁCH CHI TRẢ TIỀN QUÀ CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC THEO NGHỊ QUYẾT 418/NQ-CP NGÀY 28/12/2025

| STT  | Họ và tên đối tượng<br>(Người giám hộ/ ủy quyền - nếu có) | Ngày sinh  | Số định danh cá nhân | Địa chỉ    | Trợ cấp tháng này | Ký Nhận |                   |
|------|-----------------------------------------------------------|------------|----------------------|------------|-------------------|---------|-------------------|
|      |                                                           |            |                      |            |                   | Ký      | Nghi rõ họ và tên |
| 1    | H Ngọc Bích                                               | 29/08/2023 | 067323006441         | Ja Răh     | 400.000           |         |                   |
| 2    | Y Khoa                                                    | 18/02/2024 | 067224000487         | Ja Răh     | 400.000           |         |                   |
| 3    | H Pran                                                    | 01/01/1949 | 067149001242         | Ja Răh     | 400.000           |         |                   |
| 4    | H' Pling                                                  | 01/01/1945 | 067145002583         | Ja Răh     | 400.000           |         |                   |
| 5    | Vũ Anh Tuấn                                               | 09/07/2001 | 036201018272         | R Cáp      | 400.000           |         |                   |
| 6    | Trần Thị Lịch                                             | 20/12/1977 | 036177020890         | R Cáp      | 400.000           |         |                   |
| 7    | Y Đoan                                                    | 30/07/2004 | 067204005274         | Ja Răh     | 400.000           |         |                   |
| 8    | Vũ Thị Mát                                                | 05/02/1946 | 036146009050         | R Cáp      | 400.000           |         |                   |
| 9    | H Bioh                                                    | 10/02/1929 | 067129002413         | R Cáp      | 400.000           |         |                   |
| 10   | Nguyễn Trung Kiên                                         | 10/07/2006 | 001206080723         | Nam Tiến   | 400.000           |         |                   |
| 11   | Nguyễn Thị Ngọc                                           | 19/08/1983 | 036183022052         | Nam Tiến   | 400.000           |         |                   |
| 12   | Hà Văn Bội                                                | 16/05/1950 | 034050017535         | Nam Tiến   | 400.000           |         |                   |
| 13   | Hà Thị Mai                                                | 01/04/1949 | 038149006728         | Thanh Thái | 400.000           |         |                   |
| 14   | Nguyễn Thị Mai                                            | 19/05/1971 | 036171011251         | Thanh Thái | 400.000           |         |                   |
| 15   | Hà Văn Panh                                               | 12/11/1986 | 038086043113         | Tân Lập    | 400.000           |         |                   |
| 16   | Phàng Thị Thàm                                            | 29/04/1944 | 004144001936         | Tân Lập    | 400.000           |         |                   |
| 17   | Hà Văn Luân                                               | 15/01/1952 | 038052009858         | Tân Lập    | 400.000           |         |                   |
| 18   | Lang Thị Tiến                                             | 10/12/1954 | 038154021419         | Tân Lập    | 400.000           |         |                   |
| 19   | Đoàn Thị Hà                                               | 25/10/1974 | 036174015055         | Tân Lập    | 400.000           |         |                   |
| 20   | Lê Thị Khương                                             | 23/10/1984 | 042184008520         | Tân Lập    | 400.000           |         |                   |
| 21   | Diệp Thùy Linh                                            | 01/01/2002 | 091302003719         | Đăk Pri    | 400.000           |         |                   |
| 22   | Lý Thị Múi                                                | 01/01/1940 | 022140005249         | Nam Ninh   | 400.000           |         |                   |
| 23   | Lê Thị Trà My                                             | 28/10/2014 | 067314004091         | Yôk Ju     | 400.000           |         |                   |
| TỔNG |                                                           |            |                      |            | 9.200.000         |         |                   |

Số tiền bằng chữ:

Chuyên viên BTXH

Kế toán

Năm Nung, ngày      tháng 12 năm 2025  
TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Thị Ánh Tuyết

Trần Thị Phương

Trần Xuân Bảng

DANH SÁCH

Người có công nhận tiền quà theo Nghị quyết 418/NQ-CP ngày 28/12/2025

(Theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nâm Nung)

| TT        | Họ và tên       | Đối tượng               | Địa chỉ    | Số tiền   | Ký | Ghi rõ họ tên |
|-----------|-----------------|-------------------------|------------|-----------|----|---------------|
| 1         | H Dế (H Đê)     | CĐHH trực tiếp 41%      | Ja Răh     | 400.000   |    |               |
| 2         | Y Miên          | CĐHH trực tiếp 41%      | Ja Răh     | 400.000   |    |               |
| 3         | Y DJAM          | CĐHH trực tiếp 41%      | R'Cập      | 400.000   |    |               |
| 4         | Nguyễn Văn Đoàn | TB suy giảm KNLD<br>21% | Nam tiến   | 400.000   |    |               |
| 5         | Hoàng Minh Mận  | CĐHH trực tiếp 40%      | Thanh Thái | 400.000   |    |               |
| 6         | Vì Thanh Chuẩn  | CĐHH trực tiếp 41%      | Thanh Thái | 400.000   |    |               |
| 7         | H Dung          | Thờ cúng liệt sỹ        |            | 400.000   |    |               |
| Tổng cộng |                 |                         |            | 2.800.000 |    |               |

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Nâm Nung, Ngày tháng năm 2025

Người lập

Trưởng phòng

Phạm Thị Ánh Tuyết

Trần Xuân Bằng